

Đơn vị: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Mã đơn vị SDNS: 1014320

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Tháng 07 năm 2022

STT	Mã số CBCV, viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Các khoản trừ vào lương							Tổng tiền lương và BHXH còn được nhận		
				Hệ số lương	Hệ số PC	Hệ số trách nhiệm	Thâm niên VK	Thâm niên Nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp thu nhập đặc biệt	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp TN nghề nghiệp	Phụ cấp kiến thức	Phụ cấp thâm niên	Công hệ số	Thành tiền	Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH trả thay lương	Tổng cộng tiền lương và BHXH phải trả	BHXH 8%	BHVT 1,5%	CB phí 1%		Cộng	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	01.001	Trần Thương Chí	Giám đốc	6,92	0,90							1,96					9,78	14.572.200			14.572.200	932.144	174.777	116.518	1.223.439	13.346.761
2	01.002	Lương Anh Tuấn	Phó Giám đốc	5,76	0,70							1,62					8,08	12.039.200			12.039.200	770.032	144.381	96.254	1.010.667	11.028.533
3	01.002	Nguyễn Đỗ Hải Thuận	Phó Giám đốc	4,74	0,70							1,36					6,80	10.132.000			10.132.000	648.448	121.584	81.056	851.088	9.280.912
4	01.003	Lê Đình Sơn	Phó Giám đốc	5,08	0,70							1,45					7,23	10.772.700			10.772.700	688.976	129.183	86.122	904.281	9.868.419
5	01002	Nguyễn Ngọc Thạch	Chánh VP	4,74	0,50							1,31					6,55	9.759.500			9.759.500	624.608	117.114	78.076	819.798	8.939.702
6	01.003	Lâm Đại Triều	Chuyên viên									-					4,99	7.435.100			7.435.100	475.608	89.177	59.451	624.236	6.810.864
7	01.003	Quảng Thị Thảo	Chuyên viên	3,99								1,00					4,46	6.645.400			6.645.400	396.936	74.426	49.617	520.979	6.124.421
8	01.003	Phạm Minh Tuấn	Chuyên viên	3,33								0,83		0,30			6,54	9.744.600			9.744.600	623.416	116.891	77.927	818.234	8.926.366
9	01.003	Nguyễn Thanh Phụng	Chuyên viên	4,98								1,31					4,91	7.315.900			7.315.900	468.456	87.836	58.557	614.849	6.701.051
10	01.011	Nguyễn Văn Tiếp	Bảo vệ	3,48								0,69					3,46	5.155.400			5.155.400	330.184	61.910	41.273	433.367	4.722.033
11	01.003	Trần Thị Kim Oanh	Văn thư	2,67								1,40					6,98	10.400.200			10.400.200	665.136	124.713	83.142	872.991	9.527.209
12	01.002	Nguyễn Kim Hoàn	Phụ Trách phòng	5,08	0,50							1,26					6,30	9.387.000			9.387.000	600.768	112.644	75.096	788.508	8.598.492
13	01.003	Nguyễn Gia Hùng	Phó Tr. P	4,74	0,30							1,10					5,50	8.195.000			8.195.000	524.480	98.340	65.560	688.380	7.506.620
14	01.002	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Chuyên viên chính	4,40								0,92					4,58	6.824.200			6.824.200	436.272	81.801	54.534	572.607	6.251.593
15	01.003	Nguyễn Hữu Hùng Trường	Chuyên viên	3,66								1,29					6,44	9.595.600			9.595.600	613.880	115.103	76.735	805.718	8.789.882
16	01.003	Nguyễn Túc	Trưởng phòng	4,65	0,50							0,88		0,30			4,71	7.017.900			7.017.900	420.776	78.896	52.597	552.269	6.465.631
17	01.003	Hoàng Xuân Long	Chuyên viên	3,33		0,20						0,83					4,16	6.198.400			6.198.400	396.936	74.426	49.617	520.979	5.677.421
18	01.003	Nguyễn Thị Thu Hiền	Chuyên viên	3,33								1,55					7,73	11.517.700			11.517.700	736.656	138.123	92.082	966.861	10.530.839
19	01.003	Mai Đức Lợi	Phó Tr. P	4,98	0,30							1,12					5,61	8.338.900			8.338.900	535.208	100.352	66.901	702.461	7.656.439
20	01.003	Phạm Trọng Hiền	Trưởng phòng	3,99	0,50							0,83					4,16	6.198.400			6.198.400	396.936	74.426	49.617	520.979	5.677.421
21	01.003	Nguyễn Đình Lâm	Chuyên viên	3,33								0,83					4,99	7.435.100			7.435.100	475.608	89.177	59.451	624.236	6.810.864
22	01.003	Nguyễn Thị Tường Linh	Chuyên viên	3,99								1,51					7,54	11.234.600			11.234.600	718.776	134.771	89.847	943.394	10.291.206
23	01.003	Đương Việt Trì	Trưởng phòng	4,98	0,50							1,40					6,98	10.400.200			10.400.200	665.136	124.713	83.142	872.991	9.527.209
24	01.003	Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Tr. P	4,98	0,30							1,33					6,66	9.923.400			9.923.400	635.336	119.126	79.417	833.879	9.089.521
25	01.003	Nguyễn Đức Thịnh	Chuyên viên	4,98								1,25					6,23	9.282.700			9.282.700	593.616	111.303	74.202	779.121	8.503.579
26	01.003	Nguyễn Mai Hoàng	Chuyên viên	3,66								0,92					4,78	6.824.200			6.824.200	436.272	81.801	54.534	572.607	6.251.593
27	01.003	Đào Văn Long	Chuyên viên	3,66								0,75					3,55	5.587.500			5.587.500	357.600	67.050	44.700	469.350	5.118.150
28	01.003	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Chuyên viên	3,00								1,29					7,99	11.905.100			11.905.100	644.872	120.914	80.609	846.395	11.038.705
29	04.025	Trần Thanh Danh	Chánh Tira	4,65	0,50							1,52					10,37	15.451.300			15.451.300	873.736	163.826	100.217	1.146.779	14.304.521
30	04.024	Nguyễn Bá Lộc	Phó Chánh TT	5,76	0,30							1,47		1,47			9,41	14.020.900			14.020.900	771.224	144.605	96.403	1.012.232	13.008.668
31	04.025	Hà Tấn Trang	Đội trưởng	4,98	0,20							1,41		1,41			9,01	13.424.900			13.424.900	737.848	138.347	92.231	968.426	12.456.474
32	04.025	Đinh Ngọc Phương	Đội trưởng	4,98	0,20							0,45		0,56			7,90	11.771.000			11.771.000	653.212	122.478	81.652	857.346	10.913.654
33	04.025	Nguyễn Cao Bình	Đội trưởng	4,65	0,20							1,21		1,21			6,71	9.997.900			9.997.900	549.516	103.034	68.689	721.235	9.276.665
34	04.025	Võ Hữu Tâm	Đội trưởng	3,99	0,20							1,05		1,05			4,99	7.435.100			7.435.100	475.608	89.177	59.451	624.236	6.810.864
35	01.003	Lê Hữu Hiền	Chuyên viên	3,99								1,00		1,00			6,43	9.580.700			9.580.700	528.056	99.011	66.007	693.074	8.887.626
36	04.025	Phạm Văn Cường	Thanh tra viên	3,99								1,00		1,00			6,43	9.580.700			9.580.700	528.056	99.011	66.007	693.074	8.887.626
37	04.025	Trần Cao Đức	Thanh tra viên	3,99								1,30					6,48	9.655.200			9.655.200	547.128	102.587	68.391	718.106	7.834.494
38	01.003	Nguyễn Đức Tru	Đội trưởng	4,98	0,20							1,15					5,74	8.552.600			8.552.600	526.864	98.787	65.858	691.509	7.548.191
39	01.004	Trần Ngọc Huệ	Kiểm tra viên	4,06								0,53					5,53	8.239.700			8.239.700	462.496	86.718	57.812	607.026	7.915.774
40	01.003	Phạm Văn Minh	Đội phó	4,32	0,10							1,11					5,72	8.522.800			8.522.800	462.496	86.718	57.812	607.026	7.915.774
41	04.025	Đinh Thanh Long	Thanh tra viên	3,66								0,92		0,92			4,58	6.824.200			6.824.200	436.272	81.801	54.534	572.607	6.251.593
42	01.003	Võ Thanh Liêm	Chuyên viên	3,66								0,75					3,75	5.587.500			5.587.500	357.600	67.050	44.700	469.350	5.118.150
43	01.003	Nguyễn Thanh Trung	Chuyên viên	3,00											1											

STT	Mã số CBC, viên chức	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Công hệ số	Thành tiền	Nghỉ việc không được hưởng lương	BHXH lương và BHXH phải trả	Các khoản trừ vào lương				Tổng tiền lương và BHXH còn được nhận																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
				Hệ số lương	Hệ số PC trách nhiệm	Thẩm niên VK	Thẩm niên Nghề	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp thù hại, đặc biệt	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp TN nghề TTV	Phụ cấp kiểm lương	Trợ cấp ưu đãi	Trợ cấp ưu đãi	14	15					16	17	18	19		20	21	22	23																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 07 năm 2022

GIÁM ĐỐC

Trần Thượng Chí

